

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HS-ST
Ngày: 06 - 5 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY - TỈNH HẬU GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tua.

2. Bà Trần Thị Bé Ngọc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Trung Toàn - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Hữu Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2022/TLST-HS, ngày 25 tháng 3 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2022/QĐXXST-HS, ngày 31 tháng 3 năm 2022, Thông báo hoãn phiên tòa số: 54/TB-TA ngày 18 tháng 4 năm 2022 và Thông báo hoãn phiên tòa số: 29/TB-TA ngày 05 tháng 5 năm 2022 đối với:

Bị cáo: Lê Văn K, sinh năm: 1983; tại huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh G; nghề nghiệp: Làm thuê; chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; trình độ văn hóa: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị M; anh chị em ruột: 04 người; có vợ là Trần Thị X và 04 người con (L sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2017); tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 01/12/2021 đến ngày 04/12/2021 bị áp dụng biện pháp tạm giam, đến ngày 23/3/2022 được thay T bằng biện pháp bảo lãnh, bị cáo tại ngoại, có mặt.

- *Bị hại*: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm: 1972; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện T, tỉnh G (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1956; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh G (Có mặt).

- *Người làm chứng*: Anh Lê Văn T, sinh năm: 1982; địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh G (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, đơn tố cáo, hợp đồng mua bán lúa, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 13/5/2021 (tức ngày 02/4/2021 âm lịch), anh Nguyễn Văn L với bị cáo Lê Văn K có ký kết một hợp đồng mua bán lúa, số lượng 276 công, giống lúa OM 18, với giá 6.000đ/kg, anh L đã giao tiền cọc cho bị cáo K 02 lần tổng cộng là 83.000.000đ, để đặt cọc mua lúa của người dân và thỏa thuận đến ngày nhận lúa sẽ đưa đủ tiền. Đến ngày giao lúa, bị cáo không giao lúa cho anh L và cũng không trả lại tiền cọc. Đến ngày 03/11/2021, anh L làm đơn tố cáo gửi đến Công an huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

Quá trình điều tra bị cáo khai: Có nhận tiền từ anh L, mà không có liên hệ với các hộ bán lúa để đặt cọc mua lúa, việc ghi tên những người ở phía sau hợp đồng là để cho anh L tin tưởng giao tiền, sau khi nhận tiền bị cáo sử dụng vào mục đích cá nhân. Sau đó, bị cáo bỏ đi khỏi địa phương, đến ngày 30/11/2021 bị cáo đến Công an phường K Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đầu thú.

Tại Bản cáo trạng số 15/CT-VKS-HVT, ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang đã truy tố cáo: Lê Văn K về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017; sau đây viết tắt là: Bộ luật Hình sự).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến gì về Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang; bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không ai có ý kiến gì về thủ tục tố tụng đối với họ.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Lê Văn K là đủ yếu tố cấu thành “Tội lừa

đảo chiếm đoạt tài sản”, sau khi phân tích các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ đã đề nghị Hội đồng xét xử;

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 32, Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù; về trách nhiệm dân sự, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có yêu cầu, nên không xem xét; về vật chứng của vụ án không có nên không xử lý.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận;

Bị hại vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin giảm nhẹ hình phạt với lý do con nhỏ và gửi lời xin lỗi bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Vị Thủy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục: Bị hại anh Nguyễn Văn L có đơn xin vắng mặt, trước đó đã có lời khai tại Cơ quan điều tra; người làm chứng anh Lê Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ mà vắng mặt, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, để tiếp tục xét xử vụ án.

[3] Về tội danh

[4] Bị cáo Lê Văn K là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Vào ngày 13/5/2021, bị cáo đưa ra thông tin đã mua được 276 công lúa tại cánh đồng trước cửa nhà bị cáo, loại lúa OM18, với giá 6.000đ/kg của các hộ dân ghi tên phía sau hợp đồng và nhờ anh Lê Văn T dẫn anh Nguyễn Văn L đi coi lúa, nếu

không đọc tên các hộ dân để ghi lại phía sau hợp đồng thì anh L không tin tưởng giao tiền đặt cọc cho bị cáo; do đó anh L đã giao tiền cọc cho bị cáo để mua lúa hai lần, tổng cộng là 83.000.000đ. Tại thời điểm ký hợp đồng thì bị cáo chưa mua lúa của ai (lúa đang trổ đòng), tên những người ghi phía sau hợp đồng là do bị cáo đi cày đất biết được.

[5] Theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự thì: “1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng...”. Bị cáo Lê Văn K thực hiện hành vi đưa ra thông tin không có thật, làm cho anh Nguyễn Văn L tin tưởng giao tài sản cho bị cáo, mục đích bị cáo đưa ra thông tin gian dối là nhằm chiếm đoạt; tài sản bị cáo chiếm đoạt với số tiền là 83.000.000đ. Theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự thì: “c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;”, đây là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), là có căn cứ.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Tòa án căn cứ vào các quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[7] Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả; người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án; bị hại có đơn miễn truy cứu trách nhiệm hình sự, trong đơn xin vắng mặt tại phiên tòa có nội dung xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo ra đầu thú; có 04 con nhỏ; trong thời gian tại ngoại chấp hành tốt quy định của pháp luật. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại các điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại số tiền 83.000.000đ (Tám mươi ba triệu đồng), sau khi nhận lại tài sản, bị hại không có yêu cầu gì khác nên không đề cập đến. Bà Nguyễn Thị M là mẹ bị cáo, đã bỏ ra số tiền 83.000.000đ để bồi thường, khắc phục hậu quả thay cho bị cáo, bà M không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này nên không xem xét.

[9] Đối với anh Lê Văn T là người viết giùm hợp đồng cho anh Nguyễn Văn L và bị cáo K, anh T không biết được mục đích của bị cáo, anh T cũng

không được hưởng lợi gì về hành vi của bị cáo nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý, Tòa án không đề cập đến.

[10] Vật chứng của vụ án: Không có, nên không xử lý.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[12] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; các điểm b, s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 32, Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các Điều 292, 293, 298, 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn K phạm “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn K 06 (Sáu) tháng tù.

Thời gian phạt tù tính được từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Được trừ vào thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/12/2021 đến ngày 23/3/2022;

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, không ai có yêu cầu gì thêm, nên không xem xét.

3. *Vật chứng của vụ án:* Không có, nên không xử lý.

4. *Án phí hình sự sơ thẩm:* Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Văn K phải nộp: 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

5. *Quyền kháng cáo:* Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang.
- VKSND tỉnh Hậu Giang.
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang.
- VKSND huyện Vị Thủy.
- Công an huyện Vị Thủy.
- Bị cáo, bị hại, người liên quan.
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy.
- Công TTĐT (để công bố).
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM-HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Hùng